

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

(Quý 2.2020)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

NAV ngày 30/06/2019 (VNĐ)	NAV ngày 30/06/2020 (VNĐ)
101.063.414.836	106.012.733.310

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 4,90% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu chuẩn bị niêm yết (trong vòng mười hai (12) tháng kể từ Ngày Giao dịch), chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng)	100.588.315.800
Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ)	10.058.831,58

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.058.831,58 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.588.315.800 VNĐ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**1. Cơ cấu tài sản quỹ:**

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2020 (%)	30/06/2019 (%)	30/06/2018 (%)
1. Tiền gửi ngân hàng	0,25	40,11	N/A
2. Các khoản tương đương tiền	11,29	0,00	N/A
3. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	76,22	39,43	N/A
4. Chứng chỉ tiền gửi	9,41	19,71	N/A
5. Khác	2,83	0,75	N/A
Cộng	100,00	100,00	N/A

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/06/2020	30/06/2019	30/06/2018
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	106.012.733.310	101.063.414.836	N/A
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	10.058.831,58	10.051.088,93	N/A
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ)	10.539,27	10.054,97	N/A
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	10.539,27	10.054,97	N/A
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	10.416,29	9.997,36	N/A
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước.	4,82	0,57	N/A
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	0,00	0,00	N/A
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước.	4,82	0,57	N/A
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	N/A (**)	N/A (**)	N/A
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	N/A (**)	N/A (**)	N/A
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	N/A (**)	N/A (**)	N/A
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,13	2,84	N/A
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	18,98	63,20	N/A

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	4,82	4,82
- 3 năm	N/A	N/A
- Từ khi thành lập	5,39	4,31
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	12,52% (***)	11,32%

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/06/2020 (%)	30/06/2019 (%)	30/06/2018 (%)	30/06/2017 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	4,82	0,57	N/A	N/A

Ghi chú:

N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

N/A (*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

N/A (**): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

(***): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến 30/06/2020.

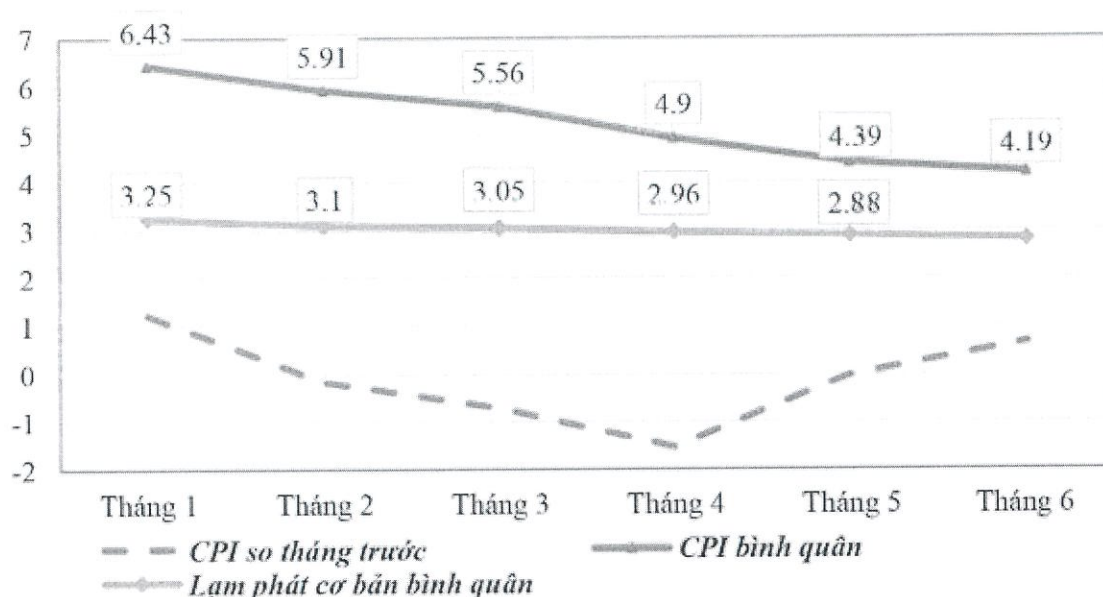
III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế Vĩ mô:

Nền kinh tế quý 2/2020 chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 2/2020 ước tính tăng 0,36% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý 2 các năm trong giai đoạn 2011 - 2020. Theo đó, GDP 6 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81% cũng là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020. Quý 2/2020 chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch Covid-19 khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp nhằm giãn cách xã hội, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,72%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,38%; khu vực dịch vụ giảm 1,76%. GDP được dự báo có thể được cải thiện trong Quý 3 ở mức khoảng 5% khi hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước dần được phục hồi.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 4,19% so với bình quân cùng kỳ năm 2019, mức cao nhất từ năm 2016 trở lại. Rủi ro lạm phát trong quý 2 đến từ giá lương thực, đặc biệt là giá gạo có xu hướng tăng mạnh trong ngắn hạn do làn sóng tích trữ lương thực tăng mạnh và sản lượng suy giảm do hạn hán và xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt, các biện pháp giảm nhiệt giá thịt lợn của chính phủ cũng không mang lại hiệu quả. Trước tình hình Trung Quốc tăng cường nhập

khẩu lương thực do nền nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dự báo giá lương thực, thực phẩm trong nước sẽ khó lòng giảm trong cả năm 2020.



Về hoạt động sản xuất: theo IHS Markit, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) của Việt Nam đạt 51,1 trong tháng 6, so với 42,7 trong tháng 5 và nằm trên ngưỡng trung tính 50 điểm lần đầu tiên trong năm tháng. Kết quả chỉ số thể hiện tình trạng tiếp tục phục hồi kể từ khi PMI đạt mức thấp kỷ lục vào tháng 4. Lĩnh vực sản xuất Việt Nam trong tháng 6 tăng trưởng trở lại nhờ Covid-19 được kiểm soát, kéo theo đó là nhu cầu khách hàng ở Việt Nam cải thiện. Rào cản lớn nhất cho việc phục hồi mạnh mẽ sắp tới là kết quả hoạt động của nền kinh tế thế giới, khi ảnh hưởng của virus vẫn đang lan rộng. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm, trong khi các công ty tiếp tục nêu khó khăn trong việc mua hàng hóa đầu vào từ nước ngoài.

Hoạt động xuất nhập khẩu vẫn là điểm sáng trong lĩnh vực kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2020, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước vẫn đạt 238,38 tỉ USD, duy trì mức cao qua các năm. Cán cân thương mại hàng hóa tháng 6 ước tính xuất siêu 500 triệu USD. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, cán cân thương mại hàng hóa tiếp tục xuất siêu 4 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,7 tỷ USD). Tuy vậy, dự báo sẽ chịu tác động nặng nề bởi dịch Covid-19 trong giai đoạn sắp tới khi số đơn hàng trong các quý tới từ các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc không ngừng giảm dần.

Chính sách tiền tệ:

Tại 19/6/2020, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,35% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,09%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,45% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,22%) và đây là mức tăng trưởng tín dụng thấp nhất trong các năm 2016-2020. Lãi suất huy động của 4 ngân hàng lớn (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank) đã giảm về mức 6% với kỳ hạn 12 tháng từ tháng 6/2020. Với thanh khoản hệ thống tiếp tục dư thừa, không có giao dịch nào được thực hiện qua kênh OMO cũng như phát hành tín phiếu, lãi suất huy động được dự báo sẽ tiếp tục duy trì mức thấp trong thời gian sắp tới

Thị trường chứng khoán:

Quý 2 của năm 2020 diễn ra không mấy êm ả với thị trường chứng khoán Việt Nam. Đầu tháng 4/2020 VNIndex chứng kiến sự giảm mạnh (-25.87%) với tình dịch bệnh Covid-19 đang gia tăng, chính phủ phải thực hiện việc giãn cách xã hội. Tuy vậy, chỉ số đã hồi phục đáng kể trong giai đoạn cuối quý 2, quay về mốc 825 điểm phản ánh tình hình kiểm soát dịch bệnh của Việt Nam thành công, các doanh nghiệp bắt đầu hoạt động trở lại và một phần chính sách hỗ trợ, hiệp định EVFTA của nhà nước. Căng thẳng chính trị Mỹ - Trung và đặc biệt biến cố dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên toàn cầu sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường tài chính toàn cầu và Việt Nam.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	4,82	N/A	8,57
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	0,00	N/A	0,00
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	4,82	N/A	8,57
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	4,82	N/A	6,83%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/A (1)	N/A (1)	N/A (1)
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/A (2)	N/A (2)	N/A (2)

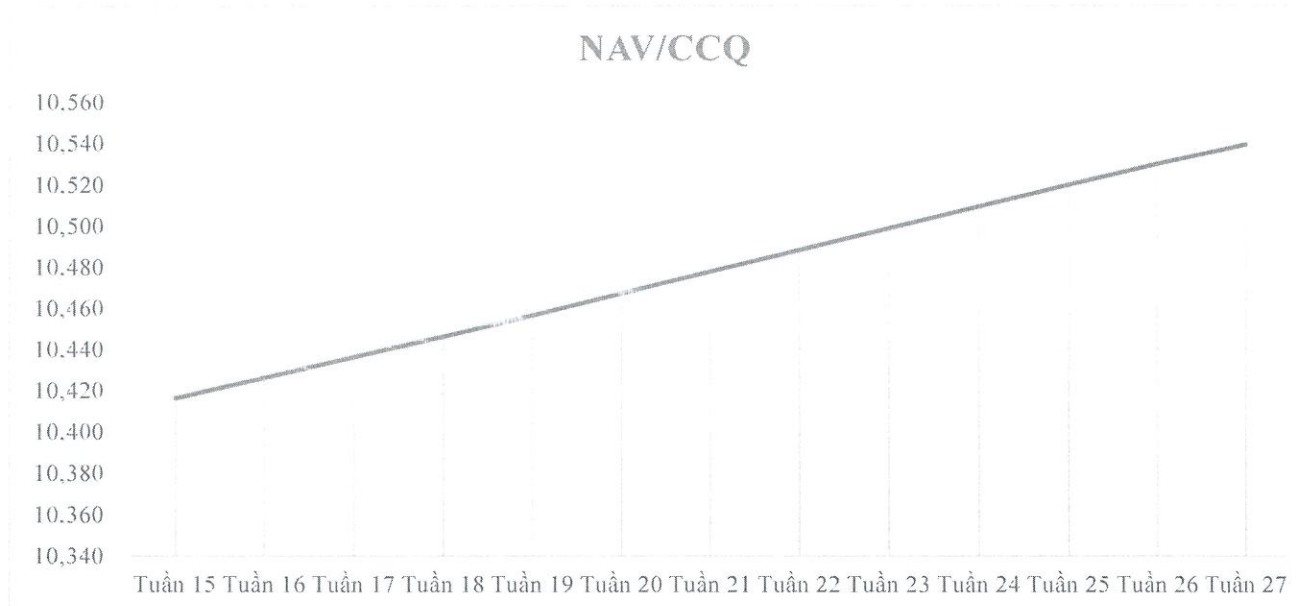
Ghi chú:

N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.

N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/06/2020	30/06/2019	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	$3 = ((1) - (2)) / (2)$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	106.012.733.310	101.063.414.836	4,90%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	10.539,27	10.054,97	4,82%

Trong giai đoạn từ 30/06/2019 đến 30/06/2020 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 4,90% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	131	49.921,24	0,50%
Từ 5.000 - 10.000	6	49.420,50	0,49%
Từ 10.000 đến 50.000	-	-	0,00%
Từ 50.000 đến 500.000	-	-	0,00%
Trên 500.000	1	9.959.489,84	99,01%
Tổng cộng	138	10.058.831,58	100,00%

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Xu hướng giảm được kỳ vọng chiếm ưu thế chủ đạo trên thị trường trái phiếu Chính phủ trong Quý 3 do những yếu tố sau:

- (1) Thanh khoản liên ngân hàng ổn định, lãi suất vẫn còn dư địa giảm, NHNN vẫn tiếp tục không có động thái trên thị trường mở khiến cho số dư trên kênh OMO và phát hành tín phiếu ở mức không. Giải ngân vốn đầu tư công vẫn không có dấu hiệu cải thiện.
- (2) Nhu cầu đầu tư trái phiếu tiếp tục được duy trì khi khối lượng trái phiếu Chính phủ đáo hạn trong Quý 3.
- (3) Kỳ vọng của các thành viên trên thị trường cũng dần trở nên tích cực hơn trong bối cảnh Việt Nam đang ngăn chặn và kiểm soát khá tốt dịch bệnh Covid-19.

Từ các phân tích thị trường, CBPF tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng hạ thấp tỉ trọng các tài sản rủi ro trong giai đoạn sắp tới.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bảng cấp	Quá trình công tác
Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty	Kỹ sư	Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life. Từ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam Từ 2012 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam

Bùi Thanh Hiệp	Phó chủ tịch Công ty	CPA	<p>Từ 2001 - 2005: Năm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam</p> <p>Từ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam</p> <p>Từ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN</p> <p>Từ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam</p> <p>Từ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam</p> <p>Từ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam</p>
Đặng Thị Hồng Loan	Giám đốc Công ty	CFA	<p>Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt nam</p> <p>Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam</p> <p>Từ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life</p>

Ban đại diện quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch	Cử nhân	<p>Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu - Công ty Quản lý quỹ Tower Mỹ</p> <p>Từ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - Mỹ</p> <p>Từ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam</p> <p>Từ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt Nam</p> <p>Từ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt</p> <p>Từ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt</p> <p>Từ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSC</p> <p>Từ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB</p>

Nguyễn Trọng Đức	Thành viên	Thạc sỹ	<p>Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG</p> <p>Từ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam Group</p> <p>Từ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group</p> <p>Từ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam.</p> <p>Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.</p> <p>Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam</p> <p>Từ 6/2018 - nay: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.</p>
Trần Việt Hương	Thành viên	Luật sư	<p>Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC</p> <p>Từ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMG</p> <p>Từ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPDD Pacific Rim Enterprises, LLC</p> <p>Từ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới</p> <p>Từ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An Gia</p> <p>Từ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir</p> <p>Từ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân</p>

CÔNG TY TNHH MỄ TÂN

Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Cử nhân	<p>Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông.</p> <p>Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.</p> <p>Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge.</p> <p>Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.</p>

			Từ 2015 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.
Đinh Thị Hồng Anh	Thành viên	Thạc sỹ	Từ 2008-2010: Nhân viên kinh doanh vốn - Ngân hàng TMCP Á Châu. Từ 2012-2013: Chuyên viên đầu tư - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam Từ 2014 - nay: Giám sát cấp II - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE

Phó Chủ tịch Công ty



Bùi Thanh Hiệp

